

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/3/2023
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai;

Ông Trần Thanh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 230/2022/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*”, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy T, sinh năm 1987; nơi cư trú: tổ 18, ấp MR, xã VG, huyện TB, tỉnh AG.

Bị đơn: Ông Nguyễn Vũ P, sinh năm 1981; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp MR, xã VG, huyện TB, tỉnh AG; chỗ ở hiện nay: 200/849/14 BÔT, Phường PH, Quận 9, Thành phố HCM.

Các đương sự vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2022 và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Vũ P do mai mối nên quen biết, được sự đồng ý của gia đình hai bên nên tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 2009; đến năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thuận, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận kết hôn số 16/2012, quyền số

02/2012 ngày 12/9/2012. Từ năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau không thể hòa giải nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Vũ P.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà T và ông P có 02 con chung tên Nguyễn Trần Quỳnh Anh, sinh ngày 17/6/2010 và Nguyễn Trần Ngọc Anh, sinh ngày 27/11/2015; các con chung hiện do bà T đang trực tiếp nuôi dạy. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi các con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: giấy chứng nhận kết hôn Nguyễn Vũ P, Trần Thị Thùy T (bản chính); giấy khai sinh Nguyễn Trần Ngọc Anh, Nguyễn Trần Quỳnh Anh (bản sao).

Tại Bản trình bày ý kiến ngày 15/02/2023 của ông Nguyễn Vũ P có nội dung: Ông thống nhất với lời khai của bà T về hôn nhân và con chung; ông đồng ý ly hôn, đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng; về tài sản chung và nợ chung, thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông P yêu cầu được vắng mặt trong các buổi Tòa án mời làm việc, vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Bà Trần Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Vũ P. Ông P có nơi cư trú trên địa bàn huyện Tịnh Biên. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên tòa được mở, bà T, ông P có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông P.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông P chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thuận, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận kết hôn số 16/2012, quyển số 02/2012, ngày 12/9/2012 nên là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Bà T trình bày, từ năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã không còn chung sống với nhau từ thời gian đó cho đến nay, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau không thể hòa hợp nên bà T yêu cầu ly hôn với ông P. Ông P đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc ly hôn với ông P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà T, ông P cùng thống nhất, trong quá trình chung sống, bà T, ông P có 02 con chung Nguyễn Trần Quỳnh Anh, sinh ngày 17/6/2010 và Nguyễn Trần Ngọc Anh, sinh ngày 27/11/2015 hiện đang do bà T nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi các con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Cháu Quỳnh Anh, Ngọc Anh có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Ông P đồng ý để bà T tiếp tục nuôi dưỡng các con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, bà T được tiếp tục nuôi dạy cháu Nguyễn Trần Quỳnh Anh, sinh ngày 17/6/2010 và Nguyễn Trần Ngọc Anh, sinh ngày 27/11/2015; ông P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị Thùy T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Vũ P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp. Ông Nguyễn Vũ P không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 147, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thùy T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thùy T được ly hôn ông Nguyễn Vũ P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2012, quyển số 02/2012, ngày 12/9/2012 của Ủy ban nhân dân xã Đông Thuận, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Thùy T được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung tên Nguyễn Trần Quỳnh Anh, sinh ngày 17/6/2010 và Nguyễn Trần Ngọc Anh, sinh ngày 27/11/2015. Ông Nguyễn Vũ P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị Thùy T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Vũ P trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị Thùy T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2022/0008689 ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên; bà T đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Vũ P không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Thùy T, ông Nguyễn Vũ P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án

được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tịnh Biên (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Tịnh Biên (1);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phí Thị Phương Nhung